
Bản án số: 116/2017/HSST
Ngày: 28 - 11 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S, THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hào, giáo viên nghỉ hưu

Bà Đào Thị Minh Nguyệt

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Việt Ph-ong, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa:

Bà Lã Thị Loan, Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Nhà văn hóa khu phố H, phường L, thị xã S, Thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 114/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hải N, sinh năm 1997 tại xã S, thị xã S, Thành phố H; trú tại: Thôn B, xã S, thị xã S, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: lớp 6; con ông Nguyễn Văn H và bà Phùng Thị H; cha có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/7/2017 đến ngày 04/8/2017 tại ngoại; “có mặt”.

2. Phùng Đăng H, sinh ngày 04/9/2000 tại xã S, thị xã S, Thành phố H; trú tại: Thôn B, xã S, thị xã S, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: lớp 9; con ông Phùng Văn H và bà Đỗ Thị T; cha có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; “có mặt”.

Ng-ời đại diện theo pháp luật cho bị cáo H: Ông Phùng Văn H, sinh năm 1974, bố đẻ của bị cáo. “có mặt”

Ng-ời bào chữa cho bị cáo H: Ông Nguyễn Danh S, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H. “có mặt”

- Ng-ời bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1938. “vắng mặt”

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. “vắng mặt”
Cùng trú tại: Thôn Đ, xã S, thị xã S
- *Ng- òi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phùng Phúc H, sinh năm 1983. “vắng mặt”
Địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã S

2. Chị Phùng Thị H, sinh năm 1971. “có mặt”
Địa chỉ: Thôn B, xã S, thị xã S

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995. “vắng mặt”
Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thị xã S

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Do cần tiền ăn tiêu nên Nguyễn Hải N quan sát các nhà dân quanh địa bàn mình sinh sống xem có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Qua quan sát, N biết nhà mẹ con bà Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T ở thôn Đ, xã S, thị xã S thường chỉ có bà P ở nhà một mình nên có ý định trộm cắp tài sản của mẹ con bà P. Buổi trưa ngày 27/7/2017, N gặp Phùng Đăng H ở gần nhà văn hoá Thôn B, xã S. N hẹn khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày H đến nhà đón N để đi trộm cắp tài sản. H đồng ý. Đúng giờ hẹn, H đi xe máy (xe mượn của anh Nguyễn Văn T) đón N tại nhà N. Theo N chỉ dẫn, H chở N đến khu vực gần cánh đồng thuộc thôn N, xã C, thị xã S để trộm cắp tài sản. Đến nơi, N bảo H đứng ngoài cánh giới, còn N đi xuống khu vực cánh đồng, leo qua tường vào nhà bà P trộm cắp tài sản. Thấy bà P ngủ ở nhà trên cùng 01 cháu nhỏ, N đi vào nhà ngang, đến chiếc tủ gỗ có ngăn không khoá, N mở tủ lấy được 01 chiếc laptop màu đen, ghi sấm; 01 bộ sạc ắc quy xe đạp điện màu đen; 01 bàn phím máy tính màu đen; 01 đầu máy kỹ thuật số màu đen. N lấy chiếc tô vít gần đó, cạy phá ngăn tủ có khoá bên cạnh, thấy có 01 ví giả da màu đen, 01 ví giả da màu hồng bên trong có tiền. N lấy toàn bộ tài sản trên rồi đi ra khu vực chuồng lợn nhà bà P mở 02 ví, lấy toàn bộ tiền bên trong rồi vớt 02 chiếc ví và chiếc tô vít tại đây. N đi ra nơi H đang đứng chờ. H chở N cùng tài sản trộm cắp được về nhà N. Trên đường về, N đưa cho H 200.000 đồng và hứa chia cho H thêm tiền sau khi bán được laptop đã trộm cắp. N về lấy số tiền đã trộm cắp ra đếm được 1.372.000 đồng (cộng với 200.000 đồng đã chia cho H, tổng số là 1.572.000 đồng). N giấu bàn phím máy tính và đầu kỹ thuật số trộm cắp được vào tủ gỗ tầng 1 nhà N; bộ sạc ắc quy xe đạp điện N giấu tại gầm giường phòng riêng của N ở tầng 2; giấu số tiền 1.000.000 đồng tại phòng thờ nhà N; còn chiếc laptop, N mang bán cho anh Phùng Phúc H, trú tại thôn T, xã S được 2.200.000 đồng. Ngoài

1.000.000 đồng N cất giấu tại phòng thờ, số tiền còn lại và tiền bán laptop N đã tiêu hết.

Cơ quan điều tra tiến hành bắt khẩn cấp và khám xét thu giữ được các tài sản N đã trộm cắp gồm 01 bộ sạc ắc quy; 01 bàn phím máy tính; 01 đầu máy kỹ thuật số và 1.000.000 đồng tại nơi ở của N. Cơ quan điều tra cũng thu giữ 01 chiếc tô vít của bà P mà N dùng để cạy phá tủ trộm cắp tài sản.

Ngày 01/8/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S đã định giá các tài sản N và H trộm cắp, gồm: 01 laptop nhãn hiệu Aspire 5745D; 01 bộ sạc ắc quy; 01 bàn phím máy tính; 01 đầu máy kỹ thuật số có tổng trị giá là 4.220.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 119/CT - VKS ngày 03 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố Nguyễn Hải N cùng đồng bọn về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Hải N từ 09 - 12 tháng tù nh- ng cho h- ởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, 73 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phùng Đăng H từ 12 - 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung qui định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Ng- ời bào chữa cho bị cáo H đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, 73 của Bộ luật hình sự, xử phạt Phùng Đăng H hình phạt cải tạo không giam giữ mức thấp nhất của khung hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Buổi trưa ngày 27/7/2017, Nguyễn Hải N rủ Phùng Đăng H khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày H đến nhà đón N để đi trộm cắp tài sản. H đồng ý. Đúng giờ hẹn, H đi xe máy đến đón N ở thôn B, xã S. Theo N chỉ dẫn, H chở N đến khu vực gần nhà mẹ con bà P và anh T để trộm cắp tài sản. Đến nơi, N bảo H đứng ngoài cánh giới, còn N đi xuống khu vực cánh đồng, leo qua tường vào nhà bà P trộm cắp tài sản. N đi vào nhà ngang, đến chiếc tủ gỗ, có ngăn không khoá. N mở tủ lấy được 01 chiếc laptop màu đen, ghi sấm; 01 bộ sạc ắc quy xe đạp điện màu đen; 01 bàn phím máy tính màu đen; 01 đầu máy kỹ thuật số màu đen. N lấy tô vít gần đó, cạy phá ngăn tủ có khoá bên cạnh, thấy có 01 ví giả da màu đen; 01 ví giả da màu hồng bên

trong có tiền. N mang toàn bộ tài sản trên ra khu vực chuồng lợn nhà bà P, mở 02 ví lấy toàn bộ tiền bên trong rồi rút 02 chiếc ví và chiếc tô vít tại đây. N đi ra nơi H đang đứng chờ sẵn. H chờ N cùng tài sản trộm cắp được về nhà N. Trên đường về, N đưa cho H 200.000 đồng và hứa chia cho H thêm tiền sau khi bán được laptop đã trộm cắp. N về lấy số tiền đã trộm cắp ra đếm được 1.372.000 đồng (cộng với 200.000 đồng đã chia cho H, tổng số là 1.572.000 đồng).

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của ng-ời bị hại cũng nh- các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14h00' ngày 27/7/2017 Nguyễn Hải N đã rủ Phùng Đăng H trộm cắp tài sản. H đứng ngoài cảnh giới, N trực tiếp trộm cắp 1.572.000 đồng; 01 laptop nhãn hiệu Aspire 5745D; 01 bộ sạc ắc quy; 01 bàn phím máy tính; 01 đầu máy kỹ thuật số, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.792.000 đồng của mẹ con bà Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T tại thôn Đ, xã S, thị xã S. Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn, hành vi đó của Nguyễn Hải N và Phùng Đăng H đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân đ-ợc pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân.

Vụ án có nhiều bị cáo tham gia nh- ng không có sự phân công, sắp xếp vai trò của những ng-ời tham gia mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cần phân hóa tội phạm, đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án, cá thể hóa trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hải N là ng-ời chủ mưu, rủ rê Phùng Đăng H và là ng-ời trực tiếp trộm cắp tài sản. Bị cáo Phùng Đăng H là đồng phạm do bị rủ rê, lôi kéo với vai trò giúp sức, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo N đã tác động gia đình cùng bị cáo Hoàn bồi thường thiệt hại cho ng-ời bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; bị cáo H phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế, hiểu biết các quy định của pháp luật chưa đầy đủ. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, mà cho các bị cáo đ-ợc hưởng lợi ích khoan hồng của nhà nước, cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục phòng ngừa. Bị cáo H phạm tội ở tuổi chưa thành niên nên không khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

Các bị cáo đều không có nghề nghiệp nên không phạt bổ sung hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và đ-ợc bồi th-ờng toàn bộ giá trị tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét. Anh Phùng Phúc H mua của Nguyễn Hải N 01 chiếc laptop với giá 2.200.000đồng nh-ng anh H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Anh H đã đ-ợc gia đình bị cáo N hoàn trả 2.200.000đồng và không yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét. Chị Phùng Thị H (mẹ đẻ bị cáo N) đã bồi hoàn cho anh Phùng Phúc H số tiền 2.200.000đồng thay cho bị cáo N. Chị H không yêu cầu N phải hoàn trả số tiền đó nên Tòa án không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc tô vít mà bị cáo N sử dụng làm công cụ để trộm cắp tài sản, xét thấy không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với chiếc xe máy bị cáo H chở N đi trộm cắp tài sản là của anh Nguyễn Văn T. Anh T không biết H m-ợn để sử dụng đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không xử lý gì đối với chiếc xe máy này là phù hợp.

Các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hải N và Phùng Đăng H phạm tội Trộm cắp tài sản;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Hải N 09 (chín) tháng tù nh-ng cho h-ởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày 28/11/2017. Giao Nguyễn Hải N cho Ủy ban nhân dân xã S, thị xã S, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 73 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Phùng Đăng H 12 (m-ời hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức đ-ợc giao giám sát, giáo dục ng-ời bị kết án nhận đ-ợc quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao Phùng Đăng H cho Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Sơn Tây, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc tô vít.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Hải N và Phùng Đặng H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 231, Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa có quyền kháng cáo để bảo vệ lợi ích của người chưa thành niên, người bị hại được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

Hoàng Đức Hiếu

